

Đơn vị: Trường Mầm Non Nam Hùng

Chương: 622

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI

NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ NGÀY 01/07/2025 ĐẾN NGÀY 31/12/2025

Trường Mầm Non Nam Hùng, xã Nam Trực, tỉnh Ninh Bình thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 như sau:

- Tổng kinh phí đã thực hiện là: 5,759,557,397 đồng, đạt 101,3% dự toán năm. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Kinh phí đã chi	Ghi chú
A	Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán	531.899.000	
I	Giáo dục mầm non	531.899.000	
1	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	3.520.000	
	Tiền thưởng	3.520.000	
2	Tiền thưởng	31.790.000	
	Thưởng thường xuyên	31.790.000	
3	Vật tư văn phòng	9.815.200	
	Vật tư văn phòng khác	9.815.200	
4	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	0	
	Khác	0	
5	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	149.314.000	
	Tài sản và thiết bị khác	149.314.000	
6	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	0	
	Chi mua hàng hóa, vật tư	0	
7	Chi khác	337.459.800	
	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	231.115.000	
	Chi các khoản khác	106.344.800	
B	Kinh phí được giao tự chủ	4.971.652.637	
I	Giáo dục mầm non	4.971.652.637	
1	Tiền lương	2.485.457.721	
	Lương theo ngạch, bậc	2.485.457.721	
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	81.617.338	
2	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	81.617.338	
3	Phụ cấp lương	1.378.357.007	
	Phụ cấp chức vụ	48.438.000	
	Phụ cấp ưu đãi nghề	907.047.414	

STT	Nội dung	Kinh phí đã chi	Ghi chú
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	5.832.000	
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	417.039.593	
	Phụ cấp khác	-	
4	Tiền thưởng	450.000	
	Thưởng khác	450.000	
5	Phúc lợi tập thể	47.820.500	
	Chi khác	47.820.500	
6	Các khoản đóng góp	673.139.661	
	Bảo hiểm xã hội	522.691.365	
	Bảo hiểm y tế	97.144.731	
	Kinh phí công đoàn	23.435.489	
	Bảo hiểm thất nghiệp	29.868.076	
7	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-	
	Chi khác	-	
8	Thanh toán dịch vụ công cộng	28.202.213	
	Tiền điện	28.202.213	
9	Vật tư văn phòng	48.656.185	
	Văn phòng phẩm	15.011.422	
	Khoản văn phòng phẩm	2.470.000	
	Vật tư văn phòng khác	31.174.763	
10	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	24.282.000	
	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	-	
	Khác	24.282.000	
11	Hội nghị	10.443.360	
	In mua tài liệu	311.000	
	Các khoản thuê mướn khác	3.820.000	
	Chi phí khác	6.312.360	
12	Công tác phí	11.400.000	
	Phụ cấp công tác phí	-	
	Khoản công tác phí	11.400.000	
13	Chi phí thuê mướn	61.900.000	
	Thuê lao động trong nước	43.500.000	
	Chi phí thuê mướn khác	18.400.000	
14	Sửa chữa, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	8.400.000	
	Nhà cửa	-	
	Các thiết bị công nghệ thông tin	-	
	Đường điện, cấp thoát nước	-	
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	8.400.000	
15	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	41.599.000	
	Chi mua hàng hóa, vật tư	35.379.000	

STT	Nội dung	Kinh phí đã chi	Ghi chú
	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	6.220.000	
16	Chi khác	52.958.452	
	Chi các khoản khác	52.958.452	
17	Chi cho các sự kiện lớn	16.969.200	
	Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn	16.969.200	
C	Tiền Thưởng Nghị định 73/2024/NĐ-CP	256.005.760	
	Tiền thưởng	256.005.760	
	Thưởng thường xuyên	256.005.760	
	Cộng	5.759.557.397	

KẾ TOÁN

Huế'

Vũ Thị Huế

Nam Trục, ngày 25 tháng 02 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Thuý Hằng

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Mầm Non Nam Hùng

Chương: 622

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH

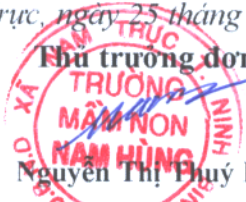
TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 31/12/2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/dự toán năm (Tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ				
4	Thu sự nghiệp khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp từ nguồn học phí				
2	Chi quản lý hành chính				
3	Chi sự nghiệp khác				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1	Lệ phí				
	Lệ phí				
2	Phí				
	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.203.085.000	5.759.557.397	110,70	363,8
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.203.085.000	5.759.557.397	110,70	363,8
1	Chi quản lý hành chính				
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.203.085.000	5.759.557.397	110,70	363,8
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.909.717.000	4.971.652.637	101,26	127,1
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	293.368.000	787.904.760	268,57	236,7
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Nam Trực, ngày 25 tháng 02 năm 2026


 Thủ trưởng đơn vị
 TRƯỞNG
 MẦM NON
 NAM HÙNG
 Nguyễn Thị Thuý Hằng